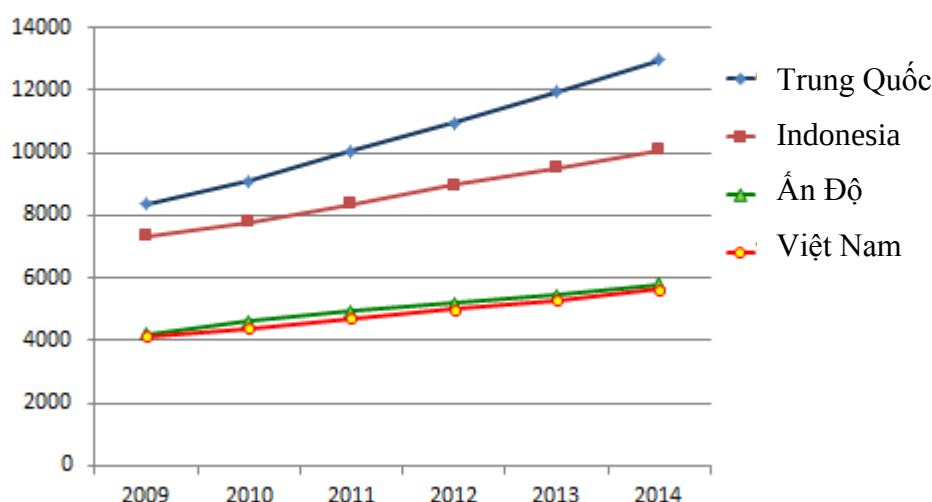


Trung Quốc, Ấn Độ, Indonesia và Việt Nam: Cùng hội cùng thuyền?

Bài viết này so sánh mức thu nhập trên đầu người và thành quả kinh tế chung của bốn quốc gia. Những nước được so sánh với Việt Nam là Trung Quốc, Ấn Độ, và Indonesia. Cả ba nước đều có lực lượng lao động đông đảo, đều ở châu Á và đã trải qua những thời kỳ tăng trưởng nhanh chóng với tỷ lệ đầu tư/GDP là 30% hay cao hơn. Trung Quốc giàu nhất, Indonesia ở khoảng giữa, còn Ấn Độ và Việt Nam là những nước nghèo nhất trong nhóm. Thu nhập quốc gia trên đầu người được so sánh tốt nhất theo mức giá ngang bằng sức mua (PPP). Trung Quốc, với thu nhập quốc gia gần 12 nghìn USD vào năm 2013, là nước đứng đầu, Indonesia (9260 USD) đứng kế tiếp, trong khi Ấn Độ (5350 USD) và Việt Nam (5030 USD) gần như bằng nhau. Các nghiên cứu về tăng trưởng quá khứ cho thấy ở mức thu nhập trên đầu người tương đối thấp, GDP sẽ dễ dàng tăng trưởng nhanh hơn so với ở mức thu nhập trên đầu người cao hơn. Đồ thị về những thay đổi này trong những năm gần đây được trình bày dưới đây. Số liệu của năm 2014 là giá trị ước lượng.

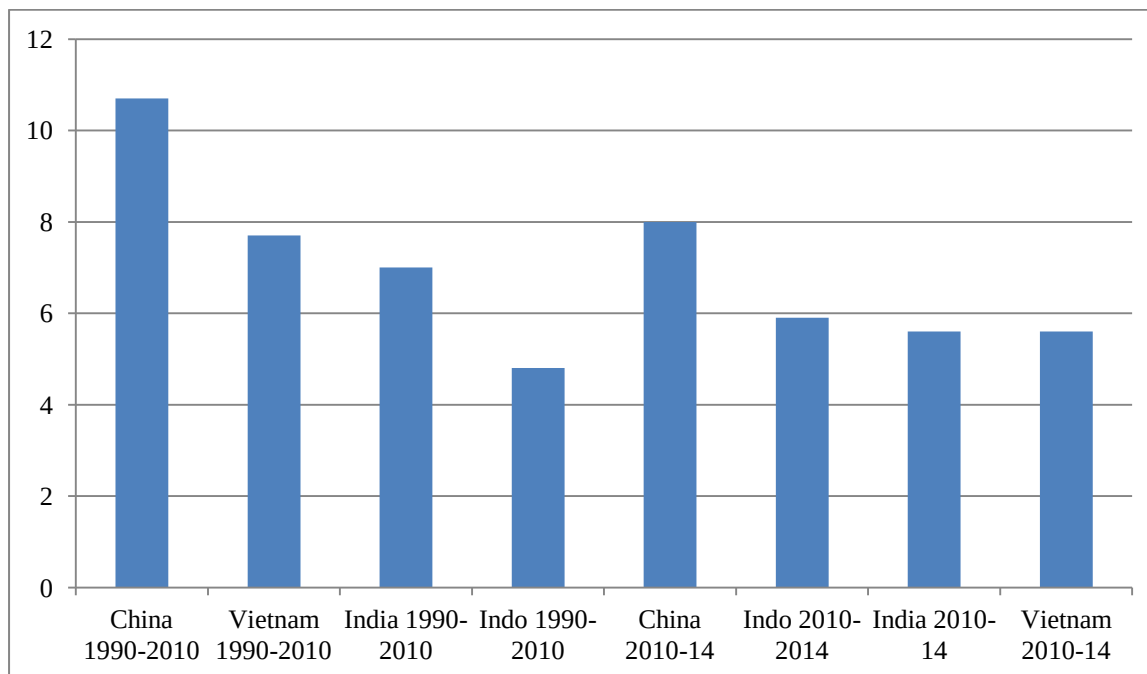
GDP trên đầu người theo giá ngang bằng sức mua
– Economist Intelligence Unit



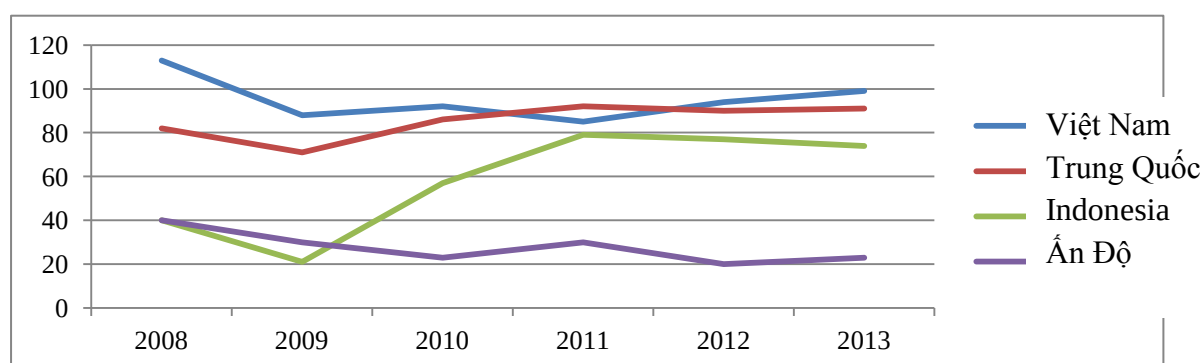
Việt Nam tăng trưởng nhanh từ năm 1990 đến 2007 nhưng sau đó chậm dần chỉ còn tỷ lệ tăng trưởng 4-6% tiêu biểu của những nền kinh tế ASEAN giàu có hơn, mặc dù thu nhập của đất nước vẫn còn tương đối thấp. Như ta thấy, kỳ vọng ban đầu là Ấn Độ và Việt Nam sẽ tăng trưởng nhanh nhất; Indonesia sẽ tăng trưởng ở khoảng giữa; và Trung Quốc sẽ tăng trưởng chậm nhất. Nhưng đây không phải là những gì đã xảy ra! Đồ thị cho thấy rõ ràng Trung Quốc tăng trưởng nhanh nhất trong cả hai giai đoạn, nhưng tỷ lệ tăng trưởng cũng chậm dần nhiều nhất – từ 10,7% xuống 8%. Việt Nam, dù nghèo hơn, nhưng chỉ tăng trưởng 7,7% trong giai đoạn đầu rồi chậm lại còn 5,6% trong giai đoạn sau. Ấn Độ cũng chậm dần từ 7% còn 5,6% trong khi Indonesia thật sự tăng tốc từ 4,8% lên 5,9%. Tỷ lệ tăng trưởng ban đầu chậm của Indonesia phản ánh cuộc khủng hoảng năm 1997-98 và sự sụp đổ sản lượng. Biết rằng Việt Nam chỉ mới bắt đầu cải cách vào thập niên 1980 rồi tranh thủ lợi thế của các cơ hội thương mại và đầu tư nhiều hơn, ta không

ngạc nhiên khi thấy thoát đầu đất nước đã hoạt động khá khá như thế. Điều đáng ngạc nhiên hơn là tỷ lệ tăng trưởng lại chậm dần nhiều đến vậy trong khi Indonesia đang tăng tốc. (Để có tỷ lệ tăng trưởng GDP trên đầu người, ta lấy tỷ lệ tăng trưởng GDP trừ đi tỷ lệ tăng trưởng dân số. Tăng trưởng dân số Trung Quốc hiện không đến $\frac{1}{2}$ của 1% và ba nước kia là gần 1% một năm.)

Tỷ lệ tăng trưởng GDP hàng năm từ 1990-2010 và 2010-2014



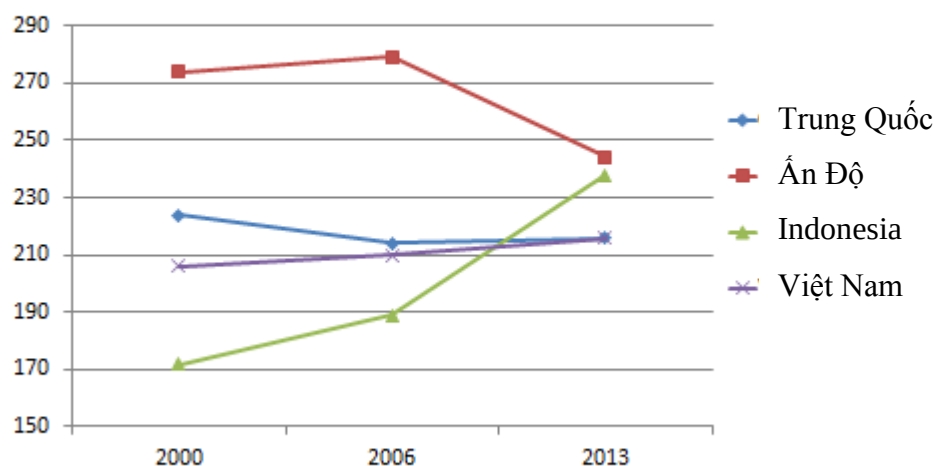
Một con số thống kê thú vị là khả năng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Trên phương diện này, Việt Nam từng hoạt động khá tốt nhưng dòng vào đã giảm nhẹ từ năm 2008, trong khi FDI tăng mạnh ở Indonesia, tăng nhẹ ở Trung Quốc và ở Ấn Độ thậm chí còn giảm nhiều hơn so với Việt Nam. Về FDI trên đầu người, Việt Nam vẫn đạt kết quả tốt, như thể hiện qua đồ thị. Tuy nhiên, đất nước cũng là nền kinh tế nhỏ nhất và dân số ít nhất, nên dòng FDI trên đầu người cao hơn được dự kiến cho những nền kinh tế nhỏ và mở. Ba trong số các đường biểu thị tương đối ổn định, nhưng Indonesia rõ ràng đã xoay sở để thu hút được nhiều FDI hơn so với trước kia. (Nguồn: World Investment Review 2014, Bảng phụ lục 1; dân số lấy từ Ngân hàng Thế giới.)

Dòng vào FDI trên đầu người từ năm 2008 đến 2013 (USD/đầu người)

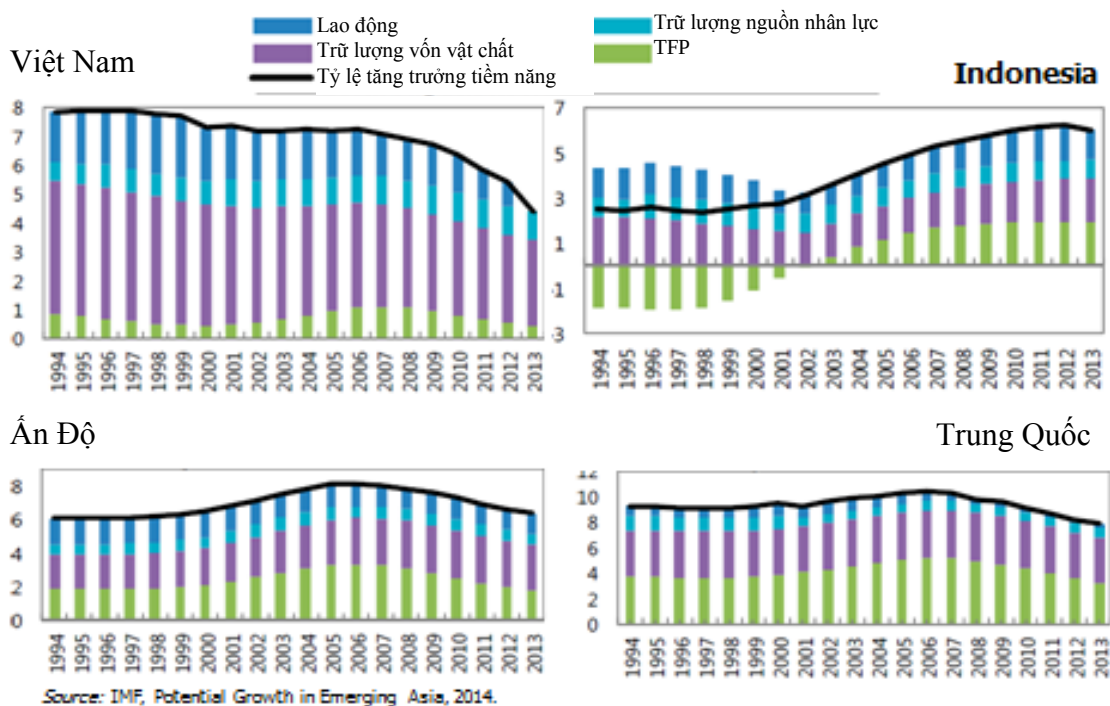
Điều gì quyết định dòng FDI? Lẽ dĩ nhiên, có nhiều yếu tố – nguyên vật liệu (đặc biệt phù hợp với Indonesia), nguồn nhân lực có trình độ (hữu ích trong lĩnh vực công nghệ thông tin ở Ấn Độ và đối với công nghiệp chế tạo của Trung Quốc) và môi trường kinh doanh chung. Môi trường này thường được đo lường bằng các nghiên cứu khảo sát “Làm kinh doanh” do Ngân hàng Thế giới thực hiện mỗi năm. Điểm số tốt nhất của một quốc gia bất kỳ là Singapore, 88. Việt Nam được 64,4 điểm; Trung Quốc 62,6; Indonesia 59,2 và Ấn Độ 54. Điều này tương xứng với mức FDI trên đầu người, cho thấy rằng mức độ dễ dàng làm kinh doanh cũng là một yếu tố. Các điểm số này dựa vào “khoảng cách đến biên giới” hay đất nước được xếp hạng tốt nhất trong mỗi phương diện của 10 phương diện.

Một cách khác để suy nghĩ về dòng vào FDI là xem sự thay đổi FDI của Việt Nam như một tỷ trọng của dòng vào Đông Nam Á. Thay đổi ròng của dòng FDI vào Việt Nam từ năm 2008 đến 2013 là giảm 679 triệu USD đối với Việt Nam nhưng tăng 75.000 triệu USD đối với toàn Đông Nam Á. Nghĩa là dòng vào hàng năm đối với toàn thể Đông Nam Á tăng từ 50 tỷ USD lên 125 tỷ USD trong khi Việt Nam **không** tham gia vào sự gia tăng đó! Tỷ trọng của Việt Nam trong tổng FDI giảm từ 19% xuống 7%. Điều này cho thấy còn có những yếu tố khác đóng góp vào vấn đề FDI chứ không phải chỉ có Làm kinh doanh.

Có lẽ các nhà đầu tư cũng xem xét vấn đề quản lý đất nước – đất nước có thể ổn định như thế nào trong dài hạn. Nếu chúng ta cộng thứ hạng của 6 lĩnh vực quản lý nhà nước trong năm 2000, 2006 và 2013, ta thấy như sau: về cơ bản, Trung Quốc và Việt Nam dao động kề cạnh nhau; Ấn Độ đang giảm và Indonesia đang tăng. Trong chừng mực mà các nhà đầu tư nhìn về tương lai, mô thức này có thể dự đoán sự thay đổi thực tế của FDI mà ta quan sát thấy từ năm 2009, nhất là với Ấn Độ.

Thay đổi xếp hạng quản lý nhà nước từ năm 2000

Một phân quan trọng trong phân tích tăng trưởng là tìm hiểu xem tăng trưởng xuất phát từ đâu. Về cơ bản, nền kinh tế có thể tăng trưởng nhờ gia tăng yếu tố lao động (bao gồm cả chất lượng lao động chứ không phải chỉ có số lượng lao động), vốn và năng suất. Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) đã xem xét một số nền kinh tế châu Á và phát hiện như sau:

Ước lượng các yếu tố đóng góp cho tăng trưởng kinh tế

Trước tiên, lưu ý rằng giá trị cao nhất trên trục tung của các đồ thị không giống nhau. Giá trị cao nhất của Trung Quốc là 12% trong khi đỉnh cao của Indonesia là 7%. Lưu ý rằng tổng tăng

trường tiềm năng (đường màu đen bên trên) đang giảm dần đối với tất cả các nước, có lẽ chỉ ngoại trừ Indonesia. Việt Nam giảm nhanh nhất từ 8% vào giữa thập niên 1990 đến nay chỉ còn dưới 5%. Indonesia tăng trưởng từ 3% lên hơn 5% trong cùng kỳ. Trong khi tăng trưởng lực lượng lao động chậm hơn là một phần nguyên nhân dẫn đến tăng trưởng kinh tế chậm dần của Việt Nam, cũng có tình trạng chậm dần trong đóng góp của vốn và tỷ lệ tăng trưởng tổng năng suất các yếu tố sản xuất (TFP) rất chậm. Indonesia thật sự chuyển từ tỷ lệ tăng trưởng TFP âm sang dương! Tăng trưởng TFP chậm có nghĩa là tăng trưởng kinh tế chủ yếu xuất phát từ sự gia tăng số lượng các yếu tố đầu vào – và nếu tỷ lệ tăng trưởng lao động chậm dần, đồng thời tỷ lệ đầu tư trên GDP cũng giảm, thì chẳng còn gì để thúc đẩy tăng trưởng.

Sự di chuyển từ lĩnh vực này sang lĩnh vực khác có thể mang lại kết quả gần giống như sự tăng trưởng TFP. Nếu dân chúng không sản xuất được nhiều trong lĩnh vực nông nghiệp hay những dịch vụ vặt vãnh, và làm tốt hơn trong các nhà máy hay các dịch vụ cấp cao hơn, thì việc chuyển người lao động từ lĩnh vực năng suất thấp sang lĩnh vực năng suất cao sẽ giúp thúc đẩy tăng trưởng, thậm chí khi không lĩnh vực nào có năng suất gia tăng. Điều đó mang lại kết quả hết như năng suất đang gia tăng trong khi chủ yếu dân chúng chỉ đang thay đổi lĩnh vực hoạt động. Nếu Việt Nam nói chung thực hiện xong quá trình chuyển đổi này, hay nếu đất nước hiện chỉ thay đổi một cách chậm chạp, thì nguồn tăng trưởng năng suất đó sẽ mất đi.

Có lẽ sẽ bỏ ích khi ta kể lại câu chuyện mỗi nước về các chính sách quá khứ cũng như thách thức và triển vọng tương lai. Mục đích của câu chuyện là đưa các sự kiện khác nhau vào thành một bức tranh chung, hết như ghép những mảnh xếp hình vào với nhau giúp ta nhìn thấy toàn cảnh.

Trung Quốc

Trung Quốc tăng trưởng với hai con số trong nhiều thập niên và hiện có thể đang chậm dần. Vấn đề là tình trạng chậm dần đó sẽ xảy ra nhanh chậm thế nào và nhiều ít ra sao. Lý do khiến ta nghĩ tới sự tăng trưởng chậm dần là, thứ nhất, hầu hết các nước thường tăng trưởng chậm dần khi đã đạt được thu nhập trên đầu người ở mức này, và thứ hai, thật khó duy trì tỷ lệ tăng trưởng GDP nhanh như thế qua nhiều thập niên. Ngay cả những nền kinh tế nhỏ hơn và linh hoạt hơn như Hàn Quốc và Đài Loan cũng chỉ duy trì tỷ lệ tăng trưởng nhanh trong ba đến bốn thập niên. Nhưng hơn cả, các biện pháp khuyến khích đầu tư và sản xuất ở Trung Quốc là do hệ thống nhân sự đảng Cộng sản hoạch định. Nếu các nhà máy gây ô nhiễm nhưng sản xuất địa phương gia tăng, lãnh đạo tỉnh hay địa hạt sẽ được thăng chức. Nếu phải xây dựng những tòa nhà hay những con đường không cần thiết để duy trì tăng trưởng GDP ở mức cao, thì vẫn có khả năng thăng tiến, bất kể các ngân hàng hay người nắm giữ trái phiếu bị thua lỗ đến mức phải nhờ chính phủ trợ cấp.

Tình trạng thiếu nước ở miền bắc đã trở nên nghiêm trọng khi nước ngầm được khai thác đến cạn kiệt và các dòng sông địa phương trở nên ô nhiễm, nên người ta đã đầu tư 60 tỷ USD hay nhiều hơn để đưa nước về từ miền nam. Nhưng nước chảy qua những vùng đất nhiễm kim loại nặng nhiều đến mức ngay cả nước miền nam cũng trở nên ô nhiễm. Việc xử lý nước tốt hơn hay hay bê tông hóa kênh mương dẫn nước làm tốn nhiều tiền nhưng không mang lại nhiều nước hơn. Những vấn đề tương tự cũng xảy ra với ô nhiễm không khí. Phải tiêu nhiều tiền để duy trì chứ không phải để gia tăng sản lượng.

Năm 2008, chính phủ bắt đầu gia tăng cung tiền để duy trì tăng trưởng cao. Cung tiền tăng từ 7000 tỷ USD vào năm 2008 lên 20.000 tỷ USD năm 2014. Sự nhảy vọt của cung tiền vượt qua tăng trưởng cung tiền trong phần còn lại của thế giới! Thế nhưng nền kinh tế vẫn chậm dần trong khi bong bóng nổi lên trong lĩnh vực bất động sản, thị trường cổ phiếu, và các tài sản vật chất

khác. Trong khi tăng trưởng báo cáo là 7,3% năm nay, doanh số bán điện và ô tô tăng nhanh bằng một nửa, trong khi tăng trưởng thép và dầu gần bằng 0. Doanh số bất động sản giảm 10% và kim ngạch nhập khẩu giảm.¹

Các nhà kinh tế Trung Quốc biết điều này – họ lập luận cho sự chậm dần của tăng trưởng kinh tế và tái cân đối, xa rời xuất khẩu và đầu tư bất động sản hay công nghiệp để hướng tới tiêu dùng và cơ sở hạ tầng công cần thiết hơn như kiểm soát ô nhiễm. Tuy nhiên, việc quản lý sự chuyển đổi này đòi hỏi phải khéo léo và các ngân hàng hiện nắm giữ những khoản vay khổng lồ từng cấp vốn cho những dự án bấp bênh trong quá khứ. Khi dân số già đi, dân chúng sẽ muốn rút tiền tiết kiệm ra nhưng sẽ có quá ít những khoản cho vay “tốt” để thu hồi tiền về. Trong khi đó, qui mô lực lượng lao động hiện đang thu hẹp. Điều này có thể là lý do khiến Conference Board dự đoán sự giảm sút tỷ lệ tăng trưởng chỉ còn dưới 4% sau năm 2020.

Ấn Độ

Ấn Độ có một lực lượng lao động đang tăng trưởng nhưng vốn có những vấn đề khó khăn lịch sử về giai cấp. Trong khi cuộc điều tra dân số gần đây ghi nhận khoảng $\frac{3}{4}$ người trưởng thành biết chữ, một tổ chức phi chính phủ đã thực hiện việc kiểm chứng về những người “biết chữ theo điều tra dân số” và phát hiện hơn một nửa không thể đọc được tên của thành phố điểm đến in trên thành xe buýt! Thật khó để tiến vào những lĩnh vực sản xuất có giá trị gia tăng khi đại đa số người lao động không biết chữ. Mức quản lý nhà nước giảm, cơ sở hạ tầng yếu kém (tệ hơn Việt Nam hay Indonesia), và nguồn cung điện gián đoạn khiến đất nước khó duy trì tăng trưởng kinh tế nhanh chóng mà không bị thiếu hụt, tắc nghẽn và lạm phát.

Vị Thủ tướng mới đã chấm dứt trợ cấp nhiên liệu và cho phép giá khí tự nhiên gia tăng. Ông có thể đạt được đôi chút tiến bộ trong việc chống tham nhũng thâm căn cố đế giữa các chính khách và quan chức chính phủ. Nhiều chương trình xóa đói giảm nghèo chỉ hoạt động một cách yếu kém do nạn ăn cắp trong quản lý hành chính. Ông phải cải thiện những gì ông duy trì và thực hiện tiết kiệm để cải thiện cơ sở hạ tầng nhằm dễ dàng tạo ra việc làm hơn. Giảm tệ nạn quan liêu có thể giúp Ấn Độ thu hút nhiều FDI hơn – dòng vào FDI trên đầu người của đất nước rất thấp – chỉ khoảng 20 USD một năm, hay chỉ bằng một phần ba so với Indonesia.

Cuối cùng, Ấn Độ có lẽ là quốc gia duy nhất trong nhóm này có hiện tượng nổi dậy có vũ trang tràn lan trong phạm vi biên giới đất nước. Các bộ tộc và những người theo cánh tả gọi là Maoists hay Naxalites² đã ảnh hưởng hay kiểm soát gần một phần ba đất nước Ấn Độ, nhất là ở vùng phía đông giàu khoáng sản. Các nhóm này, có thể bao gồm 40.000 chiến binh có vũ trang, đã chiến đấu từ thập niên 1960. Nếu không giải quyết những nhóm này thì thật khó lòng đạt được tăng trưởng nhanh và bền vững. Nếu Thủ tướng Modi có thể vượt qua những trở ngại này, thì Ấn Độ có thể tăng trưởng nhanh hơn so với tỷ lệ 5,5% theo dự đoán của Conference Board trong ít nhất một vài thập niên. Sự ra đời của những công nghệ sử dụng nhiên liệu rẻ hơn và ít gây ô nhiễm hơn sẽ giúp Ấn Độ tránh được phần nào tình trạng thái quá tệ hại nhất của Trung Quốc. Ưu điểm của Ấn Độ là chính phủ có thể và quả thật đã thực hiện sự thay đổi một cách hòa bình thông qua bầu cử, chứ không phải thông qua thanh trừng hay bạo lực. Vấn đề của Ấn Độ là giới quyền thế lâu đời thường làm cho ngay cả một chính phủ được bầu cử chân thành cũng khó đạt được nhiều tiến bộ.

¹ “Beijing cannot count on easy money to sustain its economic miracle” by Ruchir Sharma, *Financial Times*, December 17, 2014. The author is head of emerging markets at Morgan Stanley Investment Management.

² http://www.huffingtonpost.com/daniel-wagner/Ấn-Độ-naxalites-remain-a_b_3655315.htm

Indonesia

Indonesia là một đất nước giàu tài nguyên mà chỉ mới gần đây mới thoát ra khỏi nền chính trị đầu sỏ để lại từ thời Suharto. Đất nước tăng trưởng 6-7% một năm trong giai đoạn 1967-1990, nhưng sau đó chậm dần còn 4-5% - khốn khổ vì sự sụt giảm sản lượng thảm hại 15% vào năm 1998. Đất nước phân cấp việc quản lý và thu thuế tài nguyên vào năm 2000 và đã từ từ giải quyết được phần nào, tuy không phải toàn bộ, những điều kiện ràng buộc khiến tăng trưởng chậm dần. Danh sách những vấn đề trực trặc bao gồm trợ cấp nhiên liệu khổng lồ và phi hiệu quả (chỉ mới vừa được điều chỉnh), hệ thống giáo dục yếu kém, tỷ giá hối đoái được định giá quá cao, nguồn cung điện chập chờn, và cơ sở hạ tầng yếu kém. Thêm vào đó, quản lý nhà nước rất yếu kém vào năm 2000 nhưng sự tiến bộ đều đặn đã đẩy đất nước vượt qua Việt Nam và Trung Quốc và gần như ngang với Ấn Độ.

Hiện đất nước đã gần đến cuối quá trình tăng trưởng lực lượng lao động nhanh chóng, dù người trưởng thành ở độ tuổi lao động sẽ tiếp tục tăng nhưng với tỷ lệ chậm hơn so với trước kia. (Dân số ở độ tuổi lao động sẽ chỉ tăng 1 triệu người một năm trong giai đoạn 2015-2025 trong khi tăng trưởng lực lượng lao động quá khứ từng là 2 triệu người một năm và đang tiệm cận mức 120 triệu người.) Phần lớn còn tùy thuộc vào khả năng đầu tư hiệu quả và cải thiện chất lượng lực lượng lao động. Thông qua tháo gỡ các điều kiện ràng buộc, thu hút nhiều FDI hơn trong công nghiệp chế tạo, ngưng trợ cấp nhiên liệu để đưa nguồn ngân sách vào cơ sở hạ tầng và điện, Indonesia sẽ có thể tăng trưởng với tỷ lệ 6-8% một năm trong một thời gian.

Không chắc nền dân chủ của đất nước này có thể kỷ luật những chính khách tham nhũng, nhưng sự kiện người Indonesian bầu chọn ứng viên từ một gia đình nghèo chứ không phải một vị tướng về hưu vốn là con rể của Suharto và những tỷ phú ủng hộ ông cho thấy có một niềm hy vọng. Khả năng lực lượng an ninh Indonesia kiểm soát và xoa dịu các nhóm tôn giáo cực đoan cũng nhiều hứa hẹn. Không như miền nam Thái Lan, họ đã xoay sở giải quyết được cuộc xung đột kéo dài ở tỉnh Aceh. Bây giờ, triển vọng tương lai ở Indonesia xem ra tốt hơn hầu hết các nước khác.

Việt Nam

Việt Nam là đất nước đã hoạt động rất tốt trong 15-20 năm qua, rồi sau đó tăng trưởng chậm dần. Người ta không hiểu tại sao. Đất nước có điều kiện địa lý tốt hơn so với Indonesia, vốn bao trùm hàng nghìn hòn đảo với nhiều thành phần dân tộc và ngôn ngữ khác nhau. Một con đường duy nhất và nhiều cảng giúp kết nối phần lớn dân số và nền sản xuất của Việt Nam. Lĩnh vực nông nghiệp vững mạnh. Hệ thống giáo dục từ mẫu giáo đến lớp 12 của Việt Nam rất tốt, nhất là ở cấp cao nhất và cơ sở, dù không được thiết lập theo hệ thống kiểm tra quốc tế. Số liệu thống kê y tế có vẻ tốt và mức ô nhiễm thấp hơn so với ở Trung Quốc, một phần do sử dụng than ít hơn. Đất nước đầu tư khoảng 1/3 thu nhập mỗi năm, đủ để duy trì tỷ lệ tăng trưởng 7-8% trong quá khứ. Nguồn cung điện, tuy có lúc căng thẳng, nhưng đã tăng trưởng nhanh và hiện vượt qua 1200 kWh trên đầu người, cao hơn nhiều so với Indonesia hay Ấn Độ. Đất nước đạt được giá trị FDI trên đầu người cao và duy trì tỷ giá hối đoái có sức cạnh tranh. Thế nhưng đất nước chỉ tăng trưởng ngang với tỷ lệ tăng trưởng của Ấn Độ (5,5% hàng năm từ năm 2012 đến 2014) với nhiều vấn đề trực trặc và không nhận được chút gì trong dòng chảy FDI gia tăng vào Đông Nam Á.

Các nhà kinh tế FETP lập luận rằng chính sách kinh tế ở Việt Nam gồm nhiều mảng giằng co mâu thuẫn. Chính sách đó cho phép đầu tư trực tiếp nước ngoài nhưng lại rót hàng tỷ USD vào những doanh nghiệp nhà nước phi hiệu quả. Chính sách đó đầu tư vào cơ sở hạ tầng, nhưng thường phân bổ dự án theo đường lối chính trị làm mất đi những dự án đầu tư có hiệu quả thật

sự. Đảng vẫn dè dặt về các công ty tư nhân, sợ rằng họ sẽ trở thành một lực lượng chính trị có thể trở nên tích cực hoạt động chính trị. Hậu quả không phải là đình trệ, mà là thiếu trọng tâm. Ứng với nhiều lợi thế tự nhiên đến thế, Việt Nam gần đây đã trở thành một nước trung bình với tỷ lệ tăng trưởng vừa phải. Cần làm gì để khai thác đầy đủ tiềm năng của đất nước? Đó là chủ đề của tài liệu nghiên cứu thứ ba!